

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2016

Tháng 4 năm 2016

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	933	964	31	12.870	398.970	
102	8	909	938	29	12.870	373.230	
103	7	666	695	29	12.870	373.230	
104	8	605	614	9	12.870	115.830	
105	8	556	570	14	12.870	180.180	
106	8	508			12.870	0	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	793	821	28	12.870	360.360	
110	7	372	385	13	12.870	167.310	
111	8	528	528	0	12.870	0	
112	8	837	854	17	12.870	218.790	
113	6	647	661	14	12.870	180.180	
114	8	629	649	20	12.870	257.400	
201	8	773	795	22	12.870	283.140	
202	8	589	612	23	12.870	296.010	
203	7	1.314	1337	23	12.870	296.010	
204	8	776	797	21	12.870	270.270	
205	8	34	58	24	12.870	308.880	
206	8	882	895	13	12.870	167.310	
207	8	1.242	1269	27	12.870	347.490	
208	8	947	960	13	12.870	167.310	
209	8	1.139	1167	28	12.870	360.360	
210	8	1.110	1128	18	12.870	231.660	
211	7	1.382	1399	17	12.870	218.790	
212	8	877	898	21	12.870	270.270	
213	8	924	933	9	12.870	115.830	
214	8	943	962	19	12.870	244.530	
301	7	867	884	17	12.870	218.790	
302	8	934	958	24	12.870	308.880	
303	8	1.065	1088	23	12.870	296.010	
304	8	798	816	18	12.870	231.660	
305	7	815	840	25	12.870	321.750	
306	8	974	995	21	12.870	270.270	
307	PSHC				12.870	0	
308					12.870	0	
309	7	805	826	21	12.870	270.270	
310	8	812	826	14	12.870	180.180	

311	8	725	739	14	12.870	180.180
312	8	745	761	16	12.870	205.920
313	8	745	757	12	12.870	154.440
314	5	885	896	11	12.870	141.570
401	8	850	866	16	12.870	205.920
402	7	774	784	10	12.870	128.700
403	8	902	919	17	12.870	218.790
404	7	756	772	16	12.870	205.920
405	8	487	510	23	12.870	296.010
406	6	599	610	11	12.870	141.570
407	8	718	754	36	12.870	463.320
408	8	730	738	8	12.870	102.960
409	8	483	495	12	12.870	154.440
410	8	609	626	17	12.870	218.790
411	8	581	602	21	12.870	270.270
412	7	506	517	11	12.870	141.570
413	8	717	742	25	12.870	321.750
414	8	461	472	11	12.870	141.570
501	8	622	644	22	12.870	283.140
502	8	465	497	32	12.870	411.840
503	8	429	440	11	12.870	141.570
504	8	445	448	3	12.870	38.610
505	7	481	495	14	12.870	180.180
506	8	480	494	14	12.870	180.180
507	8	354	369	15	12.870	193.050
508	8	343	363	20	12.870	257.400
509	8	555	572	17	12.870	218.790
510	8	311	326	15	12.870	193.050
511	6	385	404	19	12.870	244.530
512	6	400	406	6	12.870	77.220
513	8	352	368	16	12.870	205.920
514	5	497	509	12	12.870	154.440
Cộng	503			1.148		14.774.760

(Bảng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà